

Phụ lục I
KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC
MÔN ĐỊA LÍ
(Kèm theo Thông tư số /2022/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Khối lượng kiến thức của môn học với thời lượng giảng dạy là 168 tiết. Nội dung và yêu cầu cần đạt cụ thể như sau:

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
1	Sử dụng bản đồ-Trái Đất	Sử dụng bản đồ	<ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. – Sử dụng được bản đồ trong học tập địa lí và đời sống. – Xác định và sử dụng được một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.
		Trái Đất	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất. – Đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. – Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng; vận dụng để giải thích được nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa. – Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất: Chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ). – Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm.

			– Sử dụng hình vẽ, lược đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất.
2	Địa lí tự nhiên đại cương	Thạch quyển	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm thạch quyển; – Phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. – Trình bày khái niệm nội lực, ngoại lực; nguyên nhân của chúng; tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. – Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. – Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ.
		Khí quyển	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm khí quyển. – Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình. – Trình bày được các đai khí áp trên Trái Đất. – Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất – Trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. – Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất; phân tích được biểu đồ một số kiểu khí

			<p>hậu.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế.
		Sinh quyển và Thổ nhưỡng	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm về đất; phân biệt được lớp vỏ phong hoá và đất. – Trình bày được khái niệm sinh quyển. – Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới.
3	Địa lí kinh tế-xã hội đại cương	Địa lí dân cư	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới. – Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư). – Trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế; – Phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số. – Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hoá). – Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư. – Trình bày được khái niệm, phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hoá và ảnh hưởng của đô thị hoá đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường. – Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu). – Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu. – Nhận xét được sự phân bố dân cư thông qua bản đồ, tài liệu, số liệu,... – Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn.

		<p>Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế; phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ. – So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNI bình quân đầu người. – Liên hệ được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương. – Phân tích được sơ đồ nguồn lực và cơ cấu nền kinh tế. – Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích.
		<p>Địa lí các ngành kinh tế</p> <p><i>Địa lí nông nghiệp</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai. – Trình bày được vai trò, đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. – Trình bày và giải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. – Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp; phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. – Nêu được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới. – Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương. – Đọc được bản đồ; xử lí, phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
		<p><i>Địa lí công nghiệp</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp.

		<i>nghiệp</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp. – Trình bày được vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một trong các ngành: Khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. – Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường. – Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp; phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. – Thu thập tài liệu, trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp. – Đọc được bản đồ công nghiệp; vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp.
		<i>Địa lí dịch vụ</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được cơ cấu, vai trò, đặc điểm của dịch vụ; – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ. – Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng; – Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng trên thế giới. – Vẽ được biểu đồ, sơ đồ; đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành dịch vụ. – Viết được báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ

		Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	<ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được khái niệm, đặc điểm của môi trường và tài nguyên thiên nhiên. – Phân tích được vai trò của môi trường, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển của xã hội loài người. – Trình bày được khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững. – Trình bày được khái niệm và biểu hiện của tăng trưởng xanh. – Liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh tại địa phương
4	Một số vấn đề về kinh tế - xã hội thế giới	Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước	<ul style="list-style-type: none"> – Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người); cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người. – Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước. – Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về kinh tế - xã hội của các nhóm nước. – Thu thập được tư liệu về kinh tế - xã hội của một số nước từ các nguồn khác nhau.
		Toàn cầu hoá, khu vực hoá kinh tế và an ninh toàn cầu	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế, phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới. – Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hoá kinh tế; phân tích được ý nghĩa của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới. – Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC). – Sưu tầm và hệ thống hoá được các tư liệu, số liệu về toàn cầu hoá, khu vực hoá.

			– Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.
		Nền kinh tế tri thức	– Thu thập tư liệu, viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.
5	Địa lí tự nhiên Việt Nam	Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ.	– Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam trên bản đồ. – Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.
		Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống	– Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác. – Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống. – Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.
		Sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên	– Chứng minh được sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao. – Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. – Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta. – Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo về sự phân hoá tự nhiên Việt Nam.
		Vấn đề sử dụng hợp lí	– Trình bày và giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta.

		tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. – Chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. – Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường. – Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng tham gia vào việc sử dụng hợp lí tài nguyên hoặc bảo vệ môi trường ở địa phương.
6	Địa lí dân cư Việt Nam	Dân số	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm dân số, phân tích các thế mạnh và hạn chế về dân số. – Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số, liên hệ được một số vấn đề dân số ở địa phương. – Sử dụng được bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê để nhận xét, giải thích về đặc điểm dân số Việt Nam. – Giải thích được một số vấn đề thực tế liên quan đến dân số nước ta.
		Lao động và việc làm	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm nguồn lao động; phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo thành thị và nông thôn ở nước ta. – Phân tích được vấn đề việc làm ở nước ta. – Nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta. – Liên hệ được thực tế địa phương về vấn đề lao động, việc làm. – Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động và việc làm.
		Đô thị hóa	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam và sự phân bố mạng lưới đô thị. – Phân tích được ảnh hưởng của đô thị hoá đến phát triển kinh tế - xã hội. – Sử dụng được bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê để nhận xét và giải thích về đô thị

			<p>hoá ở nước ta.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Viết được báo cáo giới thiệu về một trong các chủ đề (dân số, lao động và việc làm, đô thị hoá) ở Việt Nam.
7	Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.	<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta. – Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ ở nước ta. – Nêu và đánh giá được vai trò của mỗi thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay. – Vẽ được biểu đồ, phân tích biểu đồ và số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
		Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> – Khái quát được vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng nông thôn mới. – Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển nền nông nghiệp ở nước ta. – Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và sự phát triển, phân bố nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,... – Nêu được xu hướng phát triển trong nông nghiệp nước ta. – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển lâm nghiệp. – Trình bày được tình hình phát triển và phân bố lâm nghiệp thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,... – Trình bày được vấn đề quản lí và bảo vệ tài nguyên rừng. – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển ngành thủy sản.

			<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu, tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,... – Vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
		Vấn đề phát triển công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ. – Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một trong số các ngành công nghiệp sau: Khai thác than, dầu, khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt, may; giày dép,... – Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam: khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm công nghiệp. – Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp.
		Vấn đề phát triển dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> – Khái quát được vai trò; phân tích được các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ. – Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch ở Việt Nam. – Phân tích được sự phân hoá lãnh thổ du lịch (các trung tâm, vùng du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững. – Tìm hiểu thực tế, viết được đoạn văn ngắn giới thiệu, quảng bá về một số hoạt động và sản phẩm dịch vụ độc đáo của địa phương, nhất là về du lịch.
8	Địa lí các vùng	Vấn đề khai thác thế mạnh	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.

kinh tế Việt Nam	ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng và nêu được hướng phát triển. – Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh. – Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng.
	Phát triển kinh tế-xã hội ở Đồng bằng sông Hồng	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. – Phân tích được một số vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội của vùng: Vấn đề phát triển công nghiệp, vấn đề phát triển dịch vụ. – Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về các thế mạnh của vùng.
	Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. – Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng. – Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng. – Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và hạn chế của vùng.
	Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. – Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh phát triển các ngành kinh tế biển của vùng. – Trình bày được việc phát triển các ngành kinh tế biển và nêu được hướng phát triển kinh tế biển của vùng. – Liên hệ được phát triển kinh tế biển với quốc phòng an ninh.
	Khai thác thế mạnh để phát	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.

	triển kinh tế ở Tây Nguyên	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng: phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thủy điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bôxít, phát triển du lịch. - Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh.
	Phát triển kinh tế-xã hội ở Đông Nam Bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các thế mạnh và hiện trạng phát triển các ngành kinh tế: công nghiệp, dịch vụ; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.. - Trình bày được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường.
	Sử dụng hợp lí tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Sử dụng bản đồ, số liệu thống kê, tư liệu, trình bày được vai trò, các thế mạnh, tình hình phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, du lịch của vùng. - Giải thích được tại sao phải sử dụng hợp lí tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long. - Trình bày được tài nguyên du lịch và tình hình phát triển du lịch của vùng. - Thu thập được tài liệu và viết báo cáo về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp ứng phó. - Vẽ được biểu đồ kinh tế - xã hội, nhận xét và giải thích.
	Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được đặc điểm chung của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta. - Sử dụng số liệu, bản đồ và các nguồn tài liệu khác, nhận xét và giải thích được những vấn đề liên quan đến các vùng kinh tế trọng điểm: quá trình hình thành và phát triển, các nguồn lực, thực trạng và định hướng phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích được nội dung liên quan đến các vùng kinh tế

			trọng điểm.
		Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được khái quát về Biển Đông. – Trình bày được vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng của nước ta. – Chứng minh được vùng biển nước ta, các đảo và quần đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. – Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các tài nguyên thiên nhiên và việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo. – Phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; trình bày được hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông. – Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, video,... để viết và trình bày báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.